**Quy trình 09: Quy trình sản xuất** **cây dâu da**

# ([*Baccaurea ramiflora*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Baccaurea_ramiflora)*)*

# Phần I. QUY TRÌNH SẢN XUẤT

**1. Thông tin chung**

1.1. Xuất xứ của quy trình

Quyết định số 81/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Ban hành quy trình sản xuất một số loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

1.2. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy trình này bao gồm kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý sinh vật gây hại, thu hoạch và định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho các tổ chức, cá nhân trồng dâu da tại Đồng Nai.

1.3. Mục tiêu kinh tế kỹ thuật

- Thời gian kiến thiế t cơ bản: 03 năm.

- Chu kỳ kinh doanh: 20 năm.

- Năng suất bình quân giai đoạn kinh doanh: 20 tấn/ha.

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm thu hoạch** | **Năng suất** |
| Thứ 1 | 17.017 |
| Thứ 2 | 17.912 |
| Thứ 3 | 18.855 |
| Thứ 4 | 19.847 |
| Thứ 5 | 20.892 |
| Thứ 6 | 21.992 |
| Thứ 7 | 23.149 |
| Thứ 8 | 24.368 |
| Thứ 9 | 25.650 |
| Thứ 10 | 27.000 |
| 11 | 27.000 |
| 12 | 24.300 |
| 13 | 21.870 |
| 14 | 19.683 |
| 15 | 17.715 |
| 16 | 15.943 |
| 17 | 14.349 |
| 18 | 12.914 |
| 19 | 11.623 |
| 20 | 10.460 |

# 2. Nội dung quy trình

2.1. Yêu cầu điều kiện ngoại cảnh

Cây ưa sáng, do đó cần được trồng ở những nơi có đủ ánh sáng tự nhiên. Nhiệt độ phù hợp cho cây dâu phát triển từ 20 đến 32 độ C.

Để cây phát triển tốt, đất cần được tưới nước đều đặn để duy trì độ ẩm trung bình. Tuy nhiên, đừng quá tưới nước vì nó có thể gây chết cây.

2.2. Kỹ thuật trồng, chăm sóc

a) Chọn giống

Nên sử dụng giống có nguồn gốc nhân từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. Cây giống được sản xuất từ cơ sở có uy tín. Lựa chọn giống có khả năng chống chịu sâu bệnh hại và sử dụng cây giống khỏe, sạch sâu bệnh.

Một số giống dâu da được trồng phổ biến: dâu da xanh, dâu da bò, dâu da tía, dâu da Thái.

Căn cứ các yếu tố như điều kiện trồng, chăm sóc, đặc thù của giống cây, nhu cầu của thị trường, thời gian bảo quản,… để lựa chọn giống phù hợp

b) Thiết kế vườn trồng

- Đất có độ dốc dưới 10º thiết kế các hàng cây theo đường đồng mức.

- Đất có độ dốc từ 10º - 30º: tạo các băng đất theo đường đồng mức để trồng cây. Độ rộng mặt bằng từ 3 - 5m. Ở mép băng, nơi tiếp giáp với taluy âm, làm gờ cao khoảng 20 - 30cm hoặc trồng các loại cây bụi như cốt khí, dứa, hương bài… để ngăn dòng chảy khi có mưa lớn.

c) Bố trí mật độ và khoảng cách trồng

Khoảng cách trồng tuỳ theo vùng đất và điều kiện canh tác, có thể trồng với khoảng cách trung bình 5 m x 5 m, tương đương với mật độ 400 cây/ha

d) Đào hố trồng và bón lót

Hố trồng có kích thước 50 cm x 50 cm x 40 cm, phải được chuẩn bị 01 tháng trước khi đặt cây con. Xử lý vôi hố trồng để tiêu diệt nguồn bệnh.

Bón lót: Trộn đất mặt với 6 tấn/ha phân chuồng hoai mục, 400kg/ha phân lân và 80kg vôi bột/ha.

đ) Thời vụ và kỹ thuật trồng

Nên trồng vào đầu mùa mưa để đỡ công chăm sóc, nếu trồng trong mùa nắng nên che mát tạm thời, tránh nắng chiều, tưới nước đầy đủ và phủ rơm quanh gốc để hạn chế bốc thoát hơi nước.

Sau khi xới đất xong, trộn với tro trấu và phân chuồng hoai mục, khi đặt cây con tháo bỏ bầu cây, đặt cây con vào đúng vị trí sao cho mặt bầu cây cao hơn mặt liếp 4-5cm, lấp đất xung quanh gốc. Sau đó, phủ lên mặt bầu một lớp đất mỏng 1-2cm, cắm cọc giữ cho cây không bị gió làm lung lay. Dùng cỏ khô phủ gốc cây mới trồng và tưới nước. Phân bố cây đực đều trong khu vườn theo tỷ lệ 5% (cây thụ phấn nhờ gió và côn trùng)

e) Chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản

- Tưới nước: Nếu trồng trong mùa khô phải tưới nước thường xuyên từ 02 - 03 ngày ít nhất trong 01 tháng đầu. Trồng vào mùa mưa, nếu trời không mưa phải để ý đến việc tưới nước. Khi cây trưởng thành tưới 2-3 lần/ tuần tùy theo điều kiện thời tiết.

- Làm cỏ: Giai đoạn cây con cần làm cỏ thường xuyên để đảm bảo cây có đủ không gian và dinh dưỡng để phát triển. Nên làm cỏ định kỳ khoảng 1-2 tháng một lần để tránh cỏ dại mọc quá nhiều. Khi cây tưởng thành làm cỏ 2 đến 3 lần trên 1 năm (vào đầu mùa mưa, sau mùa mưa và sau khi thu hoạch)

- Trồng xen, che phủ đất: Xen canh trong những năm đầu khi cây chưa giao tán. Tùy điều kiện thâm canh có thể trồng xen canh dâu da và các loại cây khác như cà phê hoặc cây hoa màu trong những năm đầu. Tuy nhiên cần phải chú ý để cho cây dâu da được thông thoáng và hấp thụ được từ 80 - 90% ánh sáng tự nhiên. Cỏ cũng có thể được dùng che phủ mặt đất tăng thêm chất hữu cơ cho đất.

- Cắt tỉa tạo hình: Trong năm đầu, việc cắt tỉa cành nhằm mục đích là tạo cho cây có hình dáng khoẻ mạnh, đầy đặn, cành lá tỏa đều quanh cây. Năm thứ 2 – 3 tỉa bỏ các cành vượt, cành tăm, và cành mọc sát mặt đất để tạo tán thông thoáng.

- Bón phân: Bón đầy đủ và cân đối, lượng phân và tỷ lệ các loại phân thay đổi theo tính chất của đất, độ lớn của cây và sản lượng cây.

+ Phân hữu cơ 20kg/ gốc/ năm

+ Phân vô cơ

• Năm 1: 100 kg urê, 325 kg supe lân, 52kg kali sulphate chia làm 2 lần bón: 01 và 06 tháng sau khi trồng.

• Năm 2: 167 kg urê, 481 kg supe lân, 78kg kali sulphate chia làm 2 lần bón/ năm.

• Năm 3: 252 kg urê, 725kg supe lân, 116 kg kali sulphate chia làm 2 lần bón/ năm.

• Từ năm thứ 4: 252 kg urê, 725kg supe lân, 116 kg kali sulphate mỗi năm bón 3 lần vào các thời kỳ: khi bắt đầu có dấu hiệu ra hoa nhiều, khi đậu trái hết rụng, trái bắt đầu lớn nhanh. Có thể bón thêm Kali trước thu hoạch 1 tháng và bón tiếp sau khi thu hoạch trái

g) Quản lý sinh vật gây hại

- Quản lý sinh vật gây hại dựa trên 6 nguyên tắc Quản lý sức khoẻ cây trồng tổng hợp (IPHM) gồm: đất khỏe; cây trồng khỏe; đầu tư thông minh; bảo vệ môi trường sinh thái; giám sát và kiểm tra đồng ruộng; nông dân chuyên nghiệp và có trách nhiệm.

- Một số sinh vật gây hại chính: Rệp sáp, thối quả …

- Biện pháp phòng chống:

+ Thường xuyên vệ sinh đồng ruộng và tiêu hủy tàn dư thực vật; có hệ thống mương rãnh cấp, thoát nước tốt; chủ động tưới tiêu; sử dụng phân hữu cơ hoai mục, bón phân cân đối; sử dụng giống kháng, giống chống chịu; luân canh, xen canh hợp lý với cây trồng khác họ nhằm hạn chế sự phát sinh, phát triển của sinh vật gây hại.

+ Ngắt ổ trứng, bắt giết sâu non, lá bị sâu bệnh hại nặng đem tiêu hủy... khi mật độ sâu thấp.

+ Sử dụng sản phẩm có nấm đối kháng Trichoderma ủ với phân hữu cơ hoai mục; sử dụng các chế phẩm sinh học; bẫy dính màu vàng, màu xanh để thu hút trưởng thành có cánh như dòi đục lá, rệp...

+ Ưu tiên sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, thảo mộc, có độ độc thấp, thời gian cách ly ngắn, chóng phân hủy và ít ảnh hưởng đến các loài thiên địch có ích trên ruộng.

2.3. Thu hoạch

- Sau khoảng 3 – 4 năm, cây bắt đầu ra quả.

- Kỹ thuật thu hoạch: Thu hái bằng tay tránh làm rụng cành và tổn thương quả. Thu hoạch vào sáng sớm hoặc chiều mát để giảm mất nước cho quả.

- Bảo quản và tiêu thụ: Quả dâu nên được bảo quản ở nơi thoáng mát để giữ tươi trong vài ngày. Để bảo quản lâu hơn, có thể sử dụng tủ lạnh với nhiệt độ từ 4 – 8°C. Sản phẩm có thể chế biến thành mứt, nước ép, hoặc sấy khô để nâng cao giá trị kinh tế.

# Phần II. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP, CÔNG LAO ĐỘNG

# (Quy mô: 01 ha. Khoảng cách 5 x 5 m, mật độ 400 cây/ha)

**1. Định mức về vật tư nông nghiệp**

a) Giai đoạn kiến thiết cơ bản

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** | | |
| **Chăm sóc năm 1** | **Chăm sóc năm 2** | **Chăm sóc năm 3** |
| 1 | Giống | Cây | 420 | 0 | 0 |
| 2 | Urê | Kg | 113 | 167 | 252 |
| 3 | Lân super | Kg | 325 | 481 | 725 |
| 4 | K2SO4 | Kg | 52 | 78 | 116 |
| 5 | Vôi | Kg | 100 | 100 | 100 |
| 6 | Phân hữu cơ (chọn 1 trong 2 loại) | Kg |  |  |  |
| A | Phân hữu cơ vi sinh | Kg | 1.000 | 1.000 | 1.000 |
| B | Phân hữu cơ hoai mục | Kg | 8.000 | 8.000 | 8.000 |
| 7 | Chế phẩm sinh học (Nấm đối kháng *Trichoderma* sp) | Kg | 50 | 50 | 80 |
| 8 | Thuốc BVTV | Kg (lít) | 14 | 15 | 17 |
| 9 | Vật tư thiết bị khác | … |  |  |  |

b) Giai đoạn kinh doanh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** |
| 1 | Urê | Kg | 252 |
| 2 | Lân super | Kg | 725 |
| 3 | Kali (K2SO4) | Kg | 116 |
| 5 | Vôi | Kg | 100 |
| 6 | Phân hữu cơ (chọn 1 trong 2 loại) |  |  |
| a | Phân hữu cơ vi sinh | Kg | 1.000 |
| b | Phân hữu cơ hoai mục | Kg | 8.000 |
| 7 | Chế phẩm sinh học | Kg | 80 |
| 8 | Thuốc BVTV | Kg (lít) | 17 |

**2. Định mức công lao động**

a) Giai đoạn kiến thiết cơ bản

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** | | |
| **Chăm sóc năm 1** | **Chăm sóc năm 2** | **Chăm sóc năm 3** |
| 1 | Chuẩn bị đất trồng | Công | 50 | 0 | 0 |
| 2 | Đào hố trồng và bón lót | Công | 20 | 0 | 0 |
| 3 | Trồng cây | Công | 5 | 0 | 0 |
| 4 | Làm cỏ, tỉa cành | Công | 20 | 50 | 55 |
| 5 | Bón phân (thúc) | Công | 20 | 20 | 20 |
| 6 | Vét mương | Công | 0 | 20 | 20 |
| 7 | Phun thuốc | Công | 15 | 20 | 25 |

b) Giai đoạn kinh doanh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** |
| 1 | Làm cỏ, tỉa cành | Công | 24 |
| 2 | Phun thuốc BVTV, phân bón lá | Công | 20 |
| 3 | Bón phân | Công | 16 |
| 4 | Đắp bồn, vét mương | Công | 20 |